

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	2
II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	2
III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	2
1. Phù hợp với đối tượng	2
2. Giao tiếp.....	3
3. Tích hợp	3
4. Tích cực	3
IV. KẾ HOẠCH DẠY HỌC	3
1. Thời lượng Chương trình.....	3
2. Cấu trúc Chương trình và phân phối thời lượng.....	3
V. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT.....	4
1. Về kiến thức.....	4
2. Về kỹ năng	5
3. Về thái độ và tình cảm	6
VI. NỘI DUNG	6
Phần 1: Học chữ cái phụ âm, nguyên âm, phát âm và viết chữ Thái và học nguyên tắc ghép vần (khoảng 150 tiết).....	6
Phần 2: Các bài học tích hợp (khoảng 150 tiết).....	11
1. Gia đình, dòng tộc.....	11
VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	29
1. Tính pháp lí của bộ chữ tiếng Thái và vấn đề phương ngữ.....	29
2. Về tài liệu dạy học	30
3. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học	31
4. Về đánh giá kết quả học tập.....	31
5. Về các hình thức đào tạo.....	32
6. Về điều kiện thực hiện chương trình	33
PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT	34
I. PHẦN 1 (150 tiết)	34
II. PHẦN 2 (150 tiết)	36

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ Chỉ thị Số: 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của thủ tướng chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ về việc quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 01- GD&ĐT ngày 3/2/1997 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số;

2. Căn cứ Thông tư Số: 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số; Quyết định số: 03/2006/QĐ-BGD&ĐT Ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc Ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Căn cứ Quyết định Số: 1428/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc Phê chuẩn Bộ chữ cổ truyền dân tộc Thái tỉnh Sơn La.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của Chương trình là dạy tiếng Thái cho CB, CCVC và những người có nhu cầu đang công tác và sinh sống ở vùng dân tộc, miền núi (sau đây gọi là học viên) đạt các yêu cầu cơ bản sau:

1. Có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nói đúng, viết đúng để có thể giao tiếp thông thường bằng tiếng Thái.

2. Có một số kiến thức cơ bản về tiếng Thái: Hệ thống chữ viết, cách phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu, quy tắc chính tả và ngữ pháp, vốn từ cơ bản. HV có một số hiểu biết cơ bản về văn hoá truyền thống và phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Thái.

3. Nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Thái.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phù hợp với đối tượng

Học viên học Chương trình này là những người công tác ở vùng dân tộc, miền núi, chưa biết tiếng Thái, hoặc biết ít tiếng Thái có nhu cầu hoặc được cử đi học tiếng Thái như một ngôn ngữ thứ hai. Nội dung Chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao, nhằm tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học được linh hoạt, thích hợp với tình hình thực tế ở nhiều địa phương, giúp cho học viên đạt được mục tiêu mà Chương trình đã đề ra khi kết thúc khoá học.

2. Giao tiếp

Quan điểm giao tiếp thể hiện trong cấu trúc nội dung và phương pháp dạy học:

- Nội dung học tập tập trung vào việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng hơn kỹ năng nghe và nói; lựa chọn các mẫu câu cơ bản, vốn từ cơ bản và các tình huống, hoàn cảnh giao tiếp thông dụng để hình thành và rèn luyện các kỹ năng;

- Phương pháp dạy học tập trung vào việc tổ chức cho học viên thực hành giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Thái, kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với việc thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày với đồng bào dân tộc Thái.

3. Tích hợp

Tích hợp dạy các kỹ năng nghe, nói với các kỹ năng đọc, viết; tích hợp giữa dạy kiến thức cơ bản tiếng Thái, về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc Thái với dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Thái. Tích hợp được cụ thể hoá trong cấu trúc của từng bài học: Mỗi bài học có một bài khoá, trong bài khoá có một số yêu cầu rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; một số kiến thức về tiếng Thái, về văn hoá Thái, một số kiến thức phổ biến về khoa học, kinh tế, pháp luật, để học viên có thể vận dụng và hoàn thành tốt hơn công tác được giao.

4. Tích cực

Chương trình chú trọng bồi dưỡng cho học viên phương pháp tự học, tự đánh giá kết quả học tập. Học viên chủ động trong rèn luyện kỹ năng và tiếp cận kiến thức thông qua các hoạt động học tập tích cực như: sử dụng những kinh nghiệm, hiểu biết của mình vào việc học nghe, nói, đọc, viết. Học viên không chỉ được học dưới hình thức giáo viên dạy, đánh giá kết quả học tập mà còn được tổ chức tự học qua các hoạt động tham quan, thực hành vận dụng những kiến thức đã học vào công tác ở địa phương, tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân, kết quả học tập của các học viên khác.

IV. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Thời lượng Chương trình

Chương trình gồm 300 tiết, mỗi tiết 45 phút.

2. Cấu trúc Chương trình và phân phối thời lượng

2.1. Cấu trúc Chương trình: Chương trình được chia thành 2 phần.

• Phần 1: Học chữ cái phụ âm, nguyên âm, phát âm, viết chữ Thái và học nguyên tắc ghép vần.

• **Phân 2:** Được thiết kế thành nhiều cụm bài. Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề. Mỗi bài học tích hợp, gồm có các phần sau:

- **Bài khoá:** Cung cấp vốn từ, mẫu câu, những hiểu biết về xã hội, văn hoá truyền thống của dân tộc Thái;

- **Kiến thức từ ngữ, ngữ pháp:** Mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Thái; rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu;

- **Luyện nghe, nói, dịch:** Rèn kỹ năng nghe trong hội thoại (nghe câu hỏi, nghe ý kiến trong các cuộc trao đổi thảo luận với những học viên khác và với giáo viên), nghe đọc, nghe kể chuyện, thuật việc. Rèn kỹ năng nói trong hội thoại (hỏi và trả lời câu hỏi, đáp lại ý kiến của người khác); phát biểu ý kiến theo gợi ý, theo đề tài; thuật việc, kể chuyện;

- **Luyện đọc:** Rèn kỹ năng phát âm, đọc thành tiếng và đọc thầm, đọc hiểu, nghe và trả lời câu hỏi;

- **Luyện viết:** Rèn kỹ năng viết chính tả, viết câu văn, đoạn văn thuật việc, thuyết minh, văn bản thông thường (thông báo, bản tin ngắn, thư trao đổi công việc, đơn, lời chỉ dẫn, tuyên truyền...).

- **Hoạt động giao tiếp**

+ Một số nghi thức lời nói: Chào gặp mặt và chào tạm biệt, hỏi thăm, chia vui, chia buồn, chúc mừng, cầu khiến lịch sự, nghi thức nói khi điều khiển cuộc họp hoặc phát biểu trước nhiều người.

+ Một số điều kiêng kỵ khi giao tiếp bằng lời nói về phương diện ngữ âm, từ vựng và cách biểu đạt ý nghĩa.

- Một số phong tục, tập quán của người Thái: Giới thiệu làm quen, mời cơm, nhà có kiêng, thờ cúng tổ tiên, ma chay, cưới xin...

2.2. **Phân phối thời lượng cụ thể:** Khoảng 50% thời lượng dành cho Học chữ cái phụ âm, nguyên âm, học cách phát âm, tập viết chữ và học nguyên tắc ghép vần. 45,3% luyện nghe, nói, đọc, viết, học từ ngữ, ngữ pháp đặc biệt luyện nghe phát âm phụ âm, thanh điệu; khoảng 4,6% cho ôn tập để kiểm tra điều kiện và kiểm tra cuối khóa. Khoảng 2% cho kiểm tra điều kiện. Thời lượng trên chưa tính thời lượng cho học viên kiểm tra hết khóa.

V. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

1.1. **Biết cách phát âm các phụ âm, nguyên âm, vần, thanh điệu tiếng Thái và cách ghi các phụ âm, vần thanh điệu tiếng Thái. Biết cách ghép âm vần để tạo từ tiếng Thái.**

1.2. Có vốn khoảng 1000 đến 1500 từ (bao gồm cả thành ngữ và từ vay mượn) thuộc các chủ đề học tập. Nhận biết được các từ đơn, từ ghép, từ láy; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

1.3. Biết quy tắc đặt một số kiểu câu: Câu trần thuật đơn, câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu ghép. Biết đặt câu có các thành phần trả lời những câu hỏi: Khi nào? bao giờ? ở đâu? vì sao? để làm gì? bằng gì? như thế nào?... Để đáp ứng yêu cầu giao tiếp với đồng bào dân tộc Thái.

1.4. Biết cách viết một số văn bản thông thường: Thông báo, tin nhắn, thư, thuật việc đơn giản.

1.5. Có hiểu biết cơ bản về phong tục, tập quán và văn hoá truyền thống; hiểu và biết cách dùng những nghi thức lời nói phổ biến trong giao tiếp xã hội và biết cách ứng xử bằng ngôn ngữ phù hợp với văn hoá của người Thái.

2. Về kỹ năng

2.1. Nghe và nói

- Nghe phân biệt được các phụ âm, vần, thanh điệu của tiếng Thái đặc biệt là những âm vực cao thấp, âm tắc, phụ âm những phụ âm và thanh điệu không có trong tiếng Việt.

- Nghe - hiểu những câu hỏi đơn giản về người, vật, việc; những câu kể chứa một hoặc hai thông báo đơn giản; những câu cầu khiến mang tính chỉ dẫn; những câu bộc lộ cảm xúc. Đặc biệt nghe - hiểu câu hỏi và câu cầu khiến có cấu trúc và ngữ điệu thể hiện đặc điểm riêng của tiếng Thái.

- Nghe - hiểu đoạn hoặc bài ngắn có nội dung: Thông báo, phổ biến kiến thức hoặc chính sách, chỉ dẫn hành động, thuật việc, kể chuyện. Ghi lại một vài ý chính khi nghe.

- Phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Thái.

- Đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về người, vật, việc; về đặc điểm, tính chất; về thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân, cách thức, phương tiện, số lượng.

- Trình bày thông báo ngắn, lời chỉ dẫn, giải thích đơn giản bằng câu có cấu trúc đơn giản.

- Trình bày một vấn đề có nội dung thuộc các chủ điểm đã học bằng một số câu đơn giản.

- Kể mẩu chuyện đã biết, đã chứng kiến; thuật việc đơn giản đã biết, đã làm.

- Sử dụng một số nghi thức lời nói phổ biến trong giao tiếp phù hợp với phong tục và văn hoá Thái: Chào gặp mặt và chào tạm biệt, hỏi thăm, chúc mừng, chia vui, chia buồn, cầu khiến lịch sự, thưa gửi khi nói trước nhiều người.

2.2. Đọc

- Đọc các ký tự ghi phụ âm, nguyên âm, vần, thanh điệu tiếng Thái, các chữ ghi âm tiết, từ. Chú ý đọc các phụ âm, thanh điệu tiếng Việt không có (các phụ âm tắc, nguyên âm và bán nguyên âm).

- Đánh vần, đọc trơn các câu, từ, đoạn bài ngắn.

- Đọc - hiểu ý chính của văn bản ngắn thuộc các loại: Bản tin, thư trao đổi công việc, văn bản phổ biến kiến thức, chính sách, một số truyện, một số bài thơ dân gian của dân tộc Thái.

2.3. Viết

- Tập viết các phụ âm, nguyên âm chữ Thái.

- Tập chép: Các ký tự ghi phụ âm, nguyên âm, vần; từ, câu, đoạn văn, bài văn ngắn.

- Viết chính tả (nghe – viết): Các ký tự ghi phụ âm đặc biệt là các phụ âm tiếng Việt không có, các phụ âm tắc, âm ghép, vần, từ, câu, đoạn hoặc bài ngắn.

- Viết: Thông báo, tin ngắn, lời chỉ dẫn, thư trao đổi công việc; đơn (theo mẫu); đoạn văn thuật việc, kể chuyện đã biết, đã chứng kiến.

3. Về thái độ và tình cảm

3.1. Có ý thức bảo tồn và phát huy tiếng nói, chữ viết, văn hoá truyền thống của dân tộc Thái.

3.2. Có thói quen học tập, sử dụng tiếng nói, chữ viết Thái trong công tác và trong đời sống.

V. NỘI DUNG

Phần 1: Học chữ cái phụ âm, nguyên âm, phát âm và viết chữ Thái và học nguyên tắc ghép vần (khoảng 150 tiết)

1. Ngữ âm và chữ viết	Kiến thức tiếng Thái và văn hóa Thái	Yêu cầu cần đạt
<p>1. Phụ âm: gồm 24 cặp phụ âm (48 phụ âm): ๑, ๒; ๓, ๔; ๕, ๖; ๗, ๘; ๙, ๑๐; ๑๑, ๑๒; ๑๓, ๑๔; ๑๕, ๑๖; ๑๗, ๑๘; ๑๙, ๒๐; ๒๑, ๒๒; ๒๓, ๒๔; ๒๕, ๒๖; ๒๗, ๒๘; ๒๙, ๓๐; ๓๑, ๓๒; ๓๓, ๓๔; ๓๕, ๓๖; ๓๗, ๓๘; ๓๙, ๔๐; ๔๑, ๔๒; ๔๓, ๔๔; ๔๕, ๔๖; ๔๗, ๔๘; ๔๙, ๕๐; ๕๑, ๕๒; ๕๓, ๕๔; ๕๕, ๕๖; ๕๗, ๕๘; ๕๙, ๖๐; ๖๑, ๖๒; ๖๓, ๖๔; ๖๕, ๖๖; ๖๗, ๖๘; ๖๙, ๗๐; ๗๑, ๗๒; ๗๓, ๗๔; ๗๕, ๗๖; ๗๗, ๗๘; ๗๙, ๘๐; ๘๑, ๘๒; ๘๓, ๘๔; ๘๕, ๘๖; ๘๗, ๘๘; ๘๙, ๙๐; ๙๑, ๙๒; ๙๓, ๙๔; ๙๕, ๙๖; ๙๗, ๙๘; ๙๙, ๑๐๐.</p> <p>(phân biệt được các âm vực thấp, âm vực cao)</p> <p>2. Nguyên âm: ๑, ๒; ๓, ๔; ๕, ๖; ๗, ๘; ๙, ๑๐; ๑๑, ๑๒; ๑๓, ๑๔; ๑๕, ๑๖; ๑๗, ๑๘; ๑๙, ๒๐; ๒๑, ๒๒; ๒๓, ๒๔; ๒๕, ๒๖; ๒๗, ๒๘; ๒๙, ๓๐; ๓๑, ๓๒; ๓๓, ๓๔; ๓๕, ๓๖; ๓๗, ๓๘; ๓๙, ๔๐; ๔๑, ๔๒; ๔๓, ๔๔; ๔๕, ๔๖; ๔๗, ๔๘; ๔๙, ๕๐; ๕๑, ๕๒; ๕๓, ๕๔; ๕๕, ๕๖; ๕๗, ๕๘; ๕๙, ๖๐; ๖๑, ๖๒; ๖๓, ๖๔; ๖๕, ๖๖; ๖๗, ๖๘; ๖๙, ๗๐; ๗๑, ๗๒; ๗๓, ๗๔; ๗๕, ๗๖; ๗๗, ๗๘; ๗๙, ๘๐; ๘๑, ๘๒; ๘๓, ๘๔; ๘๕, ๘๖; ๘๗, ๘๘; ๘๙, ๙๐; ๙๑, ๙๒; ๙๓, ๙๔; ๙๕, ๙๖; ๙๗, ๙๘; ๙๙, ๑๐๐.</p> <p>3. Dấu thanh điệu: Có 2 dấu thanh đó là: ๑, ๒.</p> <p>4. Các ký tự đặc biệt: ๑, ๒, ๓, ๔, ๕, ๖, ๗, ๘, ๙, ๑๐, ๑๑, ๑๒, ๑๓, ๑๔, ๑๕, ๑๖, ๑๗, ๑๘, ๑๙, ๒๐, ๒๑, ๒๒, ๒๓, ๒๔, ๒๕, ๒๖, ๒๗, ๒๘, ๒๙, ๓๐, ๓๑, ๓๒, ๓๓, ๓๔, ๓๕, ๓๖, ๓๗, ๓๘, ๓๙, ๔๐, ๔๑, ๔๒, ๔๓, ๔๔, ๔๕, ๔๖, ๔๗, ๔๘, ๔๙, ๕๐, ๕๑, ๕๒, ๕๓, ๕๔, ๕๕, ๕๖, ๕๗, ๕๘, ๕๙, ๖๐, ๖๑, ๖๒, ๖๓, ๖๔, ๖๕, ๖๖, ๖๗, ๖๘, ๖๙, ๗๐, ๗๑, ๗๒, ๗๓, ๗๔, ๗๕, ๗๖, ๗๗, ๗๘, ๗๙, ๘๐, ๘๑, ๘๒, ๘๓, ๘๔, ๘๕, ๘๖, ๘๗, ๘๘, ๘๙, ๙๐, ๙๑, ๙๒, ๙๓, ๙๔, ๙๕, ๙๖, ๙๗, ๙๘, ๙๙, ๑๐๐.</p> <p>5. Học các vần: ๑, ๒; ๓, ๔; ๕, ๖; ๗, ๘; ๙, ๑๐; ๑๑, ๑๒; ๑๓, ๑๔; ๑๕, ๑๖; ๑๗, ๑๘; ๑๙, ๒๐; ๒๑, ๒๒; ๒๓, ๒๔; ๒๕, ๒๖; ๒๗, ๒๘; ๒๙, ๓๐; ๓๑, ๓๒; ๓๓, ๓๔; ๓๕, ๓๖; ๓๗, ๓๘; ๓๙, ๔๐; ๔๑, ๔๒; ๔๓, ๔๔; ๔๕, ๔๖; ๔๗, ๔๘; ๔๙, ๕๐; ๕๑, ๕๒; ๕๓, ๕๔; ๕๕, ๕๖; ๕๗, ๕๘; ๕๙, ๖๐; ๖๑, ๖๒; ๖๓, ๖๔; ๖๕, ๖๖; ๖๗, ๖๘; ๖๙, ๗๐; ๗๑, ๗๒; ๗๓, ๗๔; ๗๕, ๗๖; ๗๗, ๗๘; ๗๙, ๘๐; ๘๑, ๘๒; ๘๓, ๘๔; ๘๕, ๘๖; ๘๗, ๘๘; ๘๙, ๙๐; ๙๑, ๙๒; ๙๓, ๙๔; ๙๕, ๙๖; ๙๗, ๙๘; ๙๙, ๑๐๐.</p>	<p>1. Kiến thức tiếng Thái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nghĩa các từ trong bài học. - Nhận biết được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất. - Nhận biết ý chính của đoạn văn, đoạn thơ. - Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất, đặc điểm. - Biết nghi thức chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi đúng theo văn hóa dân tộc Thái. <p>2. Kiến thức văn hóa Thái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, ca dao, các bài thơ và sáng tác mới có chứa các âm vần đã học. - Nhận biết sự giống và khác nhau của chữ Thái với chữ Việt. Hiểu được quy tắc viết chữ Thái. - Nhận biết hình thức đoạn văn, đoạn thơ. - Bước đầu giáo dục HV biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái. <p>3. Từ vựng, ngữ pháp</p> <p>3.1. HV cần nắm được nguyên tắc ghép vần và quy định vị trí của nguyên âm và âm kép khi tạo tiếng, cụ thể:</p>	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và phân biệt được các phụ âm tổ thấp, tổ cao. - Nghe và phân biệt được các nguyên âm đơn, nguyên âm kép - Nghe hiểu được các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng. - Nghe rõ và xác định được các vần mới học. - Nghe hiểu một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi; tưởng tượng và diễn tả lại được dáng vẻ và hành động, lời nói của nhân vật. - Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. - Nghe và hiểu được các từ có phụ âm ghép, cách đánh vần các phụ âm ghép. - Nghe hiểu một bài thơ hoặc bài hát, bài khóa có trong bài học. - Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn đơn giản trong đối

1. Ngữ âm và chữ viết	Kiến thức tiếng Thái và văn hóa Thái	Yêu cầu cần đạt
<p> (๑๗; (๑๘; (๑๙; (๑๙; (๑๙; (๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; ๑๙; </p> <p>6. Các chữ cái biến thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một số phụ âm đứng cuối của tiếng, từ: b (๑) biến thể thành P; đ (๑) biến thể thành t; d (๑) biến thể thành i; - Khi đứng giữa hoặc sau cùng: phụ v (๑) biến thể thành nguyên âm o, u. Ví dụ: ๑๙ ๑๙, ๑๙ 	<p>âm: Thanh 1 (mai xiêng 1- ๑) đi với phụ âm chính là tổ thấp thì đọc như dấu sắc; đi với tổ cao đọc như thanh không, hay hạ giọng xuống. Thanh 2 (mai xiêng 2- ๑) đi với phụ âm chính tổ thấp đọc như dấu hỏi, đi với phụ âm chính tổ cao đọc gần giống dấu nặng. (Dấu thanh luôn luôn đặt trên phụ âm chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HV hiểu được các từ có chữ b, d đứng sau cùng 1 từ (๑ ๑, ๑ ๑๑ ๑๑) sẽ không dùng dấu thanh, nếu phụ âm chính là tổ thấp thì đọc như dấu sắc, phụ âm chính là tổ cao thì đọc như dấu nặng (ví dụ: ๑๑ - ๑๑; ๑๑ - ๑๑; ๑๑ - ๑๑; ๑๑ - ๑๑).. - Phân biệt giữa chữ c thường với chữ c thay cho âm tắc, bằng cách: chữ c đứng sau nếu có chức năng là âm c bình thường thì cho dấu thanh 1 vào từ có phụ âm chính là tổ thấp và đọc như dấu sắc; từ có phụ âm chính là tổ cao thì cho dấu thanh 2 và đọc gần giống như dấu nặng. Chữ c đứng sau có chức năng như âm tắc thì không cho dấu thanh, nếu phụ 	<p>dung một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).</p> <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh vần và đọc trơn các tiếng từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc được 6 âm khi sử dụng thanh điệu. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng âm khó: au, âm tắc - Phát âm đúng một số cặp phụ âm b - v; đ - l. - Biết đọc và ngắt nghỉ hơi theo dấu câu một đoạn văn bản. - Đọc thuộc một số đoạn văn và đoạn thơ ngắn. - Đọc và đánh vần đúng các từ có phụ âm ghép. - Đọc hiểu từ ứng dụng, câu ứng dụng, bài tập đọc trong bài học.

1. Ngữ âm và chữ viết	Kiến thức tiếng Thái và văn hóa Thái	Yêu cầu cần đạt
<p>๑๑, ๑๖, ๑๕...</p> <p>- Những tiếng, từ trong tiếng Việt không có phụ âm đầu thì chữ Thái sử dụng nguyên âm ๑ giữ chức năng là phụ âm ๑.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>๑๑๑ - on (chữ ๑ đứng đầu là phụ âm, ๑ đứng giữa là nguyên âm);</p> <p>๑๑๑ - an (๑ đứng đầu là phụ âm);</p> <p>๑๑๑ - bon (๑ là nguyên âm).</p> <p>7. Một số chữ cái biến âm khi tạo vần: ví dụ</p> <p>Nguyên âm ๑ (๑) khi tạo vần với ng (๑) thì biến thành âm ương (๑๑) hoặc nguyên âm ๑ (๑) khi tạo vần với m thì biến thành âm ơm (๑๑),...; Nguyên âm ๑ (๑) nếu có âm</p>	<p>âm chính là tổ thấp đọc như dấu sắc, tổ cao đọc gần giống dấu nặng.</p> <p>3.3. HV biết sử dụng may khít (๑) và nguyên âm o (๑) đúng lúc, đúng chỗ. Ví dụ: ๑ ๑, ๑, ๑...; ๑๑, ๑๑, ๑๑, ๑๑...</p> <p>3.4. Quy tắc ghép phụ âm: phụ âm tổ thấp ghép với tổ thấp, tổ cao ghép với tổ cao: ๑๑, ๑๑, ๑๑, ๑๑...</p> <p>3.5. Vị trí đặt nguyên âm (Trên, dưới, trước, sau, và bao lấy phụ âm):</p> <p>- Từ có 2 chữ cái thì nguyên âm ở trên và ở dưới, được đặt đúng vị trí trên dưới phụ âm. Ví dụ: ๑, ๑, ๑. ๑, ๑, ๑, ๑, ๑ ...</p> <p>- Từ có 3 chữ cái thì nguyên âm trên/dưới sẽ đặt trên/dưới phụ âm cuối. Ví dụ: ๑, ๑, ๑, ๑, ๑ ...</p> <p>- Từ có 4 chữ cái thì nguyên âm trên/dưới sẽ đặt trên/dưới bán nguyên âm. Ví dụ: ๑๑, ๑๑, ๑๑ ...</p> <p>- Biết sử dụng quan hệ từ (nói</p>	<p>- Đọc đúng từ, tiếng có chữ c đứng sau cùng, có chức năng như âm tắc và có chức năng như âm thường.</p> <p>- Đọc và đánh vần đúng các chữ cái biến thể b (๑), đ (๑), v (๑), d (๑), o (๑, ๑).</p> <p>4. Viết</p> <p>- Biết viết đúng các nét chữ cơ bản, dấu thanh và quy trình viết.</p> <p>- Viết đúng chữ cái, độ cao thấp, độ rộng của chữ; các nét cơ bản, biết viết các ký tự đặc biệt.</p> <p>- Biết đặt dấu thanh (mai xiêng) và nguyên âm (may) đúng vị trí.</p> <p>- Viết đúng chính tả từ khóa, câu, chuỗi câu, đoạn văn theo hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe viết chính tả.</p> <p>- Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>- Viết được 4- 5 câu</p>

1. Ngữ âm và chữ viết	Kiến thức tiếng Thái và văn hóa Thái	Yêu cầu cần đạt
cuối biến âm uô thành âm uân, uông: VD: □๕๖ - uông, x๕๗ (xuân); ๗๕๖ (puông) - Số đếm và đại từ chỉ định.	các từ trong 1 câu) - Biết sử dụng số đếm và đại từ chỉ định trong giao tiếp.	giới thiệu về bản thân; một đồ vật quen thuộc hoặc sự việc dựa vào gợi ý.

Phần 2: Các bài học tích hợp (khoảng 150 tiết)

1. Gia đình, dòng tộc

- Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn
- Giới thiệu bản thân.
- Quan hệ và tình cảm gia đình, dòng tộc
- Đồ dùng, vật dụng trong sinh hoạt, sản xuất
- Kinh tế gia đình
- Hôn nhân, sinh đẻ có kế hoạch...

2. Bản làng, quê hương

- Quan hệ và tình cảm ở bản làng, quê hương
- Già làng, trưởng bản
- Đổi mới bản làng, quê hương...

3. Thiên nhiên, môi trường

- Thời gian, không gian, mùa, thời tiết, khí hậu
- Núi, rừng, nương, sông suối
- Chim muông, thú rừng
- Vật nuôi, cây trồng
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường...

4. Văn hoá dân tộc

- Lịch sử dân tộc và truyền thống văn hoá Thái
- Âm nhạc, văn học dân gian của người Thái

- Trang phục của người Thái
- Lễ hội và một số phong tục, tập quán đẹp của người Thái
- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái...

5. Đất nước con người

- Tổ quốc Việt Nam
- Người Thái và các dân tộc trên đất nước Việt Nam
- Đoàn kết các dân tộc...

6. Đảng, Bác Hồ

- Chuyện về Bác Hồ.
- Chuyện về các đảng viên ưu tú người Thái.
- Tình cảm của người Thái với Đảng và Bác Hồ....

7. Lao động, sản xuất

- Truyền thống lao động cần cù
- Kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt
- Các nghề truyền thống (trồng bông, dệt thổ cẩm, đan lát, thêu thùa ...)
- Những điển hình tiên tiến trong lao động....

8. Khoa học và Giáo dục

- Truyền thống hiếu học, tình cảm thầy trò
- Giáo dục thế hệ trẻ (ý thức bảo tồn tiếng nói chữ viết của dân tộc)
- Đưa khoa học vào đời sống
- Bài trừ mê tín dị đoan...

9. Chăm sóc sức khỏe

- Rèn luyện thân thể.
- Vệ sinh phòng dịch.
- Vệ sinh ăn uống; vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng
- Các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền.
- Khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện.
- Phòng chống ma túy.

10. Bảo vệ Tổ quốc

- Truyền thống yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của người Việt Nam

- Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch
- Bảo vệ biên cương
- Giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Thái
- Những gương tốt người Thái bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương....

Những nội dung nêu ở mục 2, 3, 4 được liên kết với nhau trong các cụm bài học tích hợp. Tích hợp dạy kiến thức và kỹ năng theo hệ thống chủ đề.

Dưới đây là phương án liên kết chương trình nêu lên để các tác giả biên soạn tài liệu dạy tiếng Thái tham khảo.

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
1. Gia đình, dòng tộc		
<ul style="list-style-type: none"> - Đại từ nhân xưng và đại từ nghi vấn - Giới thiệu bản thân. - Quan hệ và tình cảm gia đình, dòng tộc - Đồ dùng, vật dụng trong sinh hoạt, sản xuất - Kinh tế gia đình - Hôn nhân, sinh đẻ có kế hoạch... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Biết cách sử dụng đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn trong giao tiếp. - Biết về mối quan hệ và tình cảm gia đình, họ hàng, làng xóm; công việc gia đình, làm kinh tế gia đình, gia đình với chính sách sinh đẻ có kế hoạch, luật Hôn nhân và gia đình,... - Hiểu được nghĩa của từ theo các chủ điểm (bản thân, gia đình, dòng tộc, công việc...). - Hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết của các văn bản. - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe tóm tắt được nội dung cốt chuyện. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Nghe hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng, nội dung chính khi người khác trình bày. - Nghe hiểu được các câu hỏi giao tiếp, biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề nội dung liên quan đến chủ đề bài học. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh).

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
	<p>và đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những bảng hướng dẫn ngắn, đơn giản đặc biệt là khi có sự hỗ trợ của hình họa. - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Hiểu được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giới thiệu được về bản thân gia đình, công việc, nơi ở... - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản, về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Phát âm chính xác các tiếng, từ, cụm từ đã học. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân, gia đình và công việc. - Sử dụng đúng theo văn hóa Thái về các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định và đại từ nghi vấn trong giao tiếp <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh vần và đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ. - Phát âm chính xác các tiếng, từ, cụm từ đã học. Đọc đúng âm khi có dấu thanh điệu và không thanh điệu. - Đọc chuẩn các âm b - v, l - đ; âm tắc, âm thường, các âm đặc biệt (au-ʔ). - Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi của bài khóa. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Tập viết, nhìn chép, nghe chép

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		<p>các bài tập đọc ngắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được một số câu đơn giản với những từ gợi ý. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được đoạn văn giới thiệu đồ dùng, vật dụng trong gia đình. - Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về gia đình, bản thân, công việc ...
2. Bản làng, quê hương		
<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ và tình cảm ở bản làng, quê hương - Già làng, trưởng bản - Đôi mới bản làng, quê hương... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về bản làng và già làng, trưởng bản, những người đứng đầu trong bản, xã. Từ ngữ về giao thông, các sinh hoạt ở bản làng; một số địa danh. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm. Từ nghi vấn. Từ láy. - Sử dụng danh từ, cụm danh từ và trật tự từ trong cụm danh từ. - Sử dụng đúng theo văn hóa Thái về các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết của các bài khóa. - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe tóm tắt được nội dung cốt chuyện. - Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Nghe hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng, nội dung chính khi người khác trình bày. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh). - Nói lên được tình cảm của mình đối bản làng quê hương. - Biết dùng lời nói để miêu tả bản

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
	<p>định và đại từ nghi vấn trong giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng câu trần thuật đơn chỉ hành động, trạng thái, cảm xúc. Câu hỏi không lựa chọn về địa điểm, phương hướng, mục đích. Dấu gạch ngang. - Nghi thức giao tiếp và văn hoá ứng xử: cảm ơn, xin lỗi, hỏi thăm, chúc mừng, chia buồn. 	<p>làng quê hương đổi mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề nội dung liên quan đến chủ đề bài học. - Phát âm chính xác các tiếng, từ, cụm từ đã học. - Hỏi đáp về đường đi, địa điểm, phương hướng, mục đích, hành động, trạng thái, cảm xúc đường về nhà? hỏi đường đến UBND xã? chỉ cho đường về bản? đi về bản lồi này. Cảm ơn ... <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi của bài khóa. - Đánh vần và đọc trơn và đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ. - Đọc đúng âm khi có dấu thanh điệu và không thanh điệu. - Đọc chuẩn các âm b - v, l - đ; âm tắc, âm thường, các âm đặc biệt (au-ʉ). - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết viết đúng tên người, tên địa danh của địa phương; biết đặt dấu câu đúng cú pháp. - Tập chép và viết chính tả; viết

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		chữ dưới hình. - Viết chủ đề chỉ đường. - Viết chủ đề miêu tả bản làng quê hương đổi mới...
3. Thiên nhiên, môi trường		
<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, không gian, mùa, thời tiết, khí hậu - Núi, rừng, nương, sông suối - Chim muông, thú rừng - Vật nuôi, cây trồng - Bảo vệ tài nguyên, môi trường... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Các từ ngữ về thời gian, không gian theo tập tục của DT Thái. - Từ ngữ về thời gian, mùa, các hiện tượng thời tiết ở vùng cao, vật nuôi cây trồng, chim muông và thú rừng... - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm. Từ chỉ các đơn vị đo lường. Từ chỉ loại. - Sử dụng động từ, cụm động từ và các từ chỉ hướng hành động, chỉ thời gian. - Sử dụng đúng theo văn hoá Thái về các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định và đại từ nghi vấn trong giao tiếp 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Biết trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Biết giới thiệu về những cảnh đẹp, thiên nhiên môi trường. - Hỏi đáp về thời gian, không gian, mùa thời tiết và khí hậu theo lịch Thái. - Biết tuyên truyền vận động bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi lựa chọn và cách biểu đạt ý nghĩa lựa chọn trong câu hỏi. Câu cầu và từ cầu khiến. Dấu chấm than. - Đoạn văn chỉ dẫn. - Một vài điều kiêng kỵ khi nói chuyện. 	<p>tất bài khoá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. - Đọc mở rộng các bài tương ứng với chủ đề đã học. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; Viết chữ dưới hình - Viết được những đoạn văn ngắn về nội dung liên quan chủ đề đã học. - Bước đầu biết viết một truyện kể sáng tạo. - Viết được bài tuyên truyền bà con dân tộc thiểu số biết bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên môi trường...
4. Văn hoá dân tộc		
<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử dân tộc và truyền thống văn hoá Thái - Âm nhạc, văn học dân gian của người Thái - Trang phục của người Thái - Lễ hội và một số phong tục, tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Hiểu được giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
<p>quán đẹp của người Thái</p> <p>- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Thái...</p>	<p>Thái; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung.</p> <p>- Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái; cách ứng xử trong cuộc sống, ...</p> <p>- Có ý thức bảo tồn, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa của dân tộc Thái, các lễ hội truyền thống, ngôi nhà sàn và thiết kế bài trí trong ngôi nhà.</p> <p>- Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái,...</p> <p>- Từ ngữ về văn hoá nghệ thuật dân tộc Thái. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ đề.</p> <p>- Mở rộng vốn từ về chủ điểm: văn hóa dân tộc Thái;</p> <p>- Nghi thức mời, yêu cầu, đề nghị, nghi thức giao tiếp trong đám cưới, đám ma, lễ hội...</p>	<p>xếp lại bài thơ, câu, đoạn.</p> <p>- Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.</p> <p>2. Nói</p> <p>- Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái.</p> <p>- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.</p> <p>- Giới thiệu về những nét văn hóa dân tộc Thái; giới thiệu phong tục tập quán, kiến trúc nhà sàn, cách bài trí trong nhà, ...</p> <p>- Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương.</p> <p>- Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái (lễ hội, trang phục, nghệ thuật dân gian,...). Nói lời khen, chê .</p> <p>- Nói lời giới thiệu về một số lễ hội, trang phục, ẩm thực dân tộc của người Thái.</p> <p>3. Đọc</p> <p>- Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khoá.</p> <p>- Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái</p> <p>- Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.</p> <p>- Đọc mở rộng các bài tương ứng với chủ đề đã học.</p> <p>4. Viết</p>

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		<ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; Viết chữ dưới hình - Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khoá ngắn. Viết đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về bảo tồn và phát huy văn hoá Thái. - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản. (Về lễ hội, trang phục, ẩm thực, nghệ thuật dân gian,...).
5. Đất nước con người		
<ul style="list-style-type: none"> - Tổ quốc Việt Nam - Người Thái và các dân tộc trên đất nước Việt Nam - Đoàn kết các dân tộc... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về: cảnh đẹp đất nước và con người. Từ ngữ địa lí, địa danh, tên các dân tộc.... - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm. - Từ ngữ về đoàn kết dân tộc. - Tính từ và cách lập tính từ để biểu đạt ý nghĩa mức độ của tính từ, cụm tính từ. - Câu trần thuật đơn có vị ngữ chỉ đặc điểm, tính 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Giới thiệu về những cảnh đẹp về đất nước con người - Giới thiệu được các tộc người Thái và địa bàn cư trú. - Hỏi đáp về người Thái và các

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
	<p>chất. Câu cảm thán và từ cảm thán. Củng cố các mẫu câu trần thuật, câu hỏi, câu cầu khiến đã học. Dấu chấm than.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư trao đổi công việc - Nghi thức nói chuyện trước nhiều người. 	<p>dân tộc trên đất nước Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói lời giới thiệu về địa danh, danh lam thắng cảnh... - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. - Biết tuyên truyền tình đoàn kết của các dân tộc ở Việt Nam, về tình đoàn kết của nhân dân Việt Nam. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá; luyện tóm tắt bài khoá. - Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá. - Viết đoạn thuyết minh đơn giản về một vấn đề trong các chủ đề đã học. - Viết đoạn tuyên truyền đoàn kết các dân tộc. - Viết văn miêu tả cảnh đẹp đất nước, con người Việt Nam
6. Đăng, Bác Hồ		

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
<ul style="list-style-type: none"> - Chuyện về Bác Hồ. - Chuyện về các đảng viên ưu tú người Thái. - Tình cảm của người Thái với Đảng và Bác Hồ.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về Đảng, Bác Hồ, tình cảm của người Thái và nhân dân Việt Nam với Đảng và Bác. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm. - Từ địa phương và từ vay mượn trong tiếng Thái. - Câu để phủ định, từ chối, bác bỏ. Dấu chấm lửng. 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Kể được mẩu chuyện ngắn về Bác, Nói được tình cảm của mình đối với Đảng với Bác. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ - Nói lời bộc lộ cảm xúc. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá; luyện tóm tắt bài khoá. - Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. - Học thuộc lòng bài thơ ngắn. <p>4. Viết</p>

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		<ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá. - Viết đoạn thuyết minh đơn giản về một vấn đề trong các chủ đề đã học. - Viết chính tả đoạn trích của bài khoá hoặc bài khoá ngắn. - Viết đoạn văn nói về tình cảm của người Thái đối với Đảng, Bác.
7. Sản xuất, tăng thu nhập		
<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống lao động cần cù - Kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt - Các nghề truyền thống (trồng bông, dệt thổ cẩm, đan lát, thêu thùa ...) - Những điển hình tiên tiến trong lao động.... - Những điển hình tiên tiến trong lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về lao động sản xuất (vật nuôi, cây trồng, kỹ thuật canh tác, các nghề truyền thống...). - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm. Từ ngữ về tiền tệ, giá cả. - Kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản theo truyền thống và khoa học. - Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và từ đồng âm. - Câu ghép. Dấu phẩy, 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi đáp về giá cả. - Phổ biến kiến thức khoa học và chỉ dẫn về trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề truyền thống, làm kinh tế gia đình, bảo quản nông sản. - Kể và giới thiệu về những điển hình tiên tiến trong lao động ở địa

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
	dấu hai chấm.	<p>phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tóm tắt những nghề truyền thống của dân tộc Thái. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá, tóm tắt bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. - Học thuộc lòng bài thơ ngắn. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá. - Viết theo chủ đề: tuyên truyền bà con biết chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng. - Viết chủ đề tuyên truyền giữ gìn, bảo tồn phát triển nghề truyền thống
8. Khoa học và Giáo dục		
<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống hiếu học, tình cảm thầy trò - Giáo dục thế hệ trẻ (ý thức bảo tồn tiếng nói chữ viết của dân tộc) 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về học tập, trường lớp, sách vở, văn 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
<ul style="list-style-type: none"> - Đưa khoa học vào đời sống - Bài trừ mê tín dị đoan... 	<p>bằng. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cố về danh từ và cụm danh từ. - Cung cố về câu trần thuật đơn có mô hình: Ai - là gì (ai)? Ai - làm gì? Ai - thế nào? - Sử dụng đúng theo văn hóa Thái về các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định và đại từ nghi vấn trong giao tiếp - Văn bản: bản tin, thông báo. - Nghi thức giao tiếp với thầy cô giáo. 	<p>trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Truyền truyền việc bảo tồn, giữ gìn và phát triển ngôn ngữ chữ viết dân tộc - Nêu gương được những người học tập tốt. - Tuyên truyền ngắn về việc bài trừ mê tín dị đoan. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá; luyện tóm tắt bài khoá. - Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá.

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		<ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn thuyết minh đơn giản về một vấn đề trong các chủ đề đã học. - Viết đoạn văn nói lên cảm nghĩ việc học tiếng nói chữ viết dân tộc Thái. - Viết bài tuyên truyền bài trừ mê tín dị đoan...
9. Chăm sóc sức khoẻ		
<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện thân thể. - Vệ sinh phòng dịch. - Vệ sinh ăn uống; vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng - Các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền. - Khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện. - Phòng chống ma túy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về sức khoẻ: về bệnh tật, cách điều trị, cây thuốc dân gian, thuốc chữa bệnh, bệnh viện, trạm y tế, cách phòng ngừa và điều trị bệnh. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm. - Củng cố từ vay mượn, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. - Quan hệ từ. - Câu ghép nối về bằng quan hệ từ. Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép. 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình: về dịch bệnh, về cây dược liệu, về bệnh tật... - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Tuyên truyền được những ý cơ bản về công tác phòng chống dịch, vệ sinh cá nhân, nhà cửa, bản làng... - Vận động bà con thường xuyên rèn luyện thân thể. - Biết sử dụng những lời khuyên răn, vận động bà con khi ốm đau cần phải đến bệnh viện khám chữa

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		<p>bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền ngắn về việc phòng chống ma túy - Nói lời chỉ dẫn phòng và chữa bệnh, lời chỉ dẫn dùng thuốc, lời chỉ dẫn trồng cây thuốc dân gian. - Nói lời thuyết minh về chăm sóc sức khoẻ bằng cả câu đơn và câu ghép. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá; luyện tóm tắt bài khoá. - Đọc và phát âm chính xác các âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. <p>4. Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá. - Viết đoạn văn tuyên truyền giữ vệ sinh thân thể, ăn uống, môi trường để bảo vệ sức khoẻ - Viết theo chủ đề: tuyên truyền phòng chống ma túy
10. Bảo vệ Tổ quốc		

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của người Việt Nam - Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch - Bảo vệ biên cương - Giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Thái - Những gương tốt người Thái bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu Tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Từ ngữ về bảo vệ Tổ quốc: truyền thống bảo vệ Tổ quốc, các lực lượng và những hoạt động bảo vệ Tổ quốc. Những thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ đề. - Củng cố về động từ và cụm động từ. - Củng cố về câu hỏi và câu hỏi lựa chọn. - Văn bản: đơn, báo cáo 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình: về dịch bệnh, về cây dược liệu, về bệnh tật... - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. - Nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại bài thơ, câu, đoạn. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chuẩn âm, đúng đặc trưng cách phát âm tiếng Thái. - Tuyên truyền được những ý cơ bản về công tác giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng, bảo vệ biên cương, thủ đoạn chia rẽ dân tộc phá hoại hòa bình của kẻ thù địch... - Vận động bà con thường xuyên rèn luyện thân thể. - Giới thiệu tóm tắt được truyền thống yêu nước, bảo vệ tổ quốc của dân tộc Việt Nam. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. <p>3. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc bài khoá và trả lời câu hỏi về nội dung bài khoá; luyện tóm tắt bài khoá. - Đọc và phát âm chính xác các

Chủ đề học tập – Bài khoá	Kiến thức tiếng Thái và văn hoá Thái	Kĩ năng nghe, nói, đọc, viết
		âm có đặc trưng riêng trong tiếng nói của người Thái. - Đọc mở rộng các bài đọc thêm tương ứng chủ đề đã học. 4. Viết - Tập chép và viết chính tả; viết chữ dưới hình đảm bảo chính xác độ cao, độ rộng, con chữ. - Viết một đoạn của bài khoá. - Viết đoạn văn: Tuyên truyền về công tác giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng, bảo vệ biên cương, thủ đoạn chia rẽ dân tộc phá hoại hòa bình của kẻ thù địch...

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tính pháp lí của bộ chữ tiếng Thái và vấn đề phương ngữ

1.1. Tính pháp lý: Bộ chữ dân tộc Thái được dùng trong Chương trình là bộ chữ cổ truyền của dân tộc Thái đen vùng Tây Bắc, được cộng đồng dân tộc Thái sử dụng qua nhiều thế hệ. Được UBND tỉnh Sơn La phê chuẩn theo Quyết định số: 1428/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 về việc phê chuẩn Bộ chữ cổ truyền dân tộc Thái.

1.2. Vấn đề phương ngữ: Mỗi dân tộc có thể sinh sống ở những vùng khác nhau, sử dụng những phương ngữ ít nhiều khác nhau về cách phát âm và từ ngữ. Tài liệu dạy học có bảng từ ngữ ở cuối mỗi bài khóa. Đồng thời, trang bị cho học viên các tài liệu công cụ như sổ tay phương ngữ tiếng dân tộc, từ điển so sánh tiếng dân tộc - tiếng Việt, tiếng Việt - tiếng dân tộc để học viên tham khảo và tra cứu. Trong trường hợp dạy tại Sơn La việc lựa chọn biên soạn tài liệu dạy học phương ngữ chủ yếu theo Thái đen vùng Sơn La đã được đồng bào dân tộc Thái Sơn La và Hội đồng khoa học tỉnh quy định.

Tiếng Thái có 8 phương ngữ:

- Chữ Thái Đen ở các huyện thuộc tỉnh Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lào Cai.
- Chữ Thái Trắng ở huyện Phong Thổ.

- Chữ Thái Trắng ở huyện Mường Lay, Mường Tè (Lai Châu cũ).
- Chữ Thái Trắng ở huyện Phù Yên.
- Chữ Thái Trắng ở huyện Mộc Châu (Sơn la), Mai Châu, Đà Bắc (Hoà Bình).
- Chữ Thái Đen - Tay Thanh ở miền Tây Thanh Hoá và Nghệ An.
- Chữ Thái ở Châu Quỳ (Nghệ An).
- Chữ Thái mang tên Lai Pao ở huyện Tương Dương (Nghệ An).

Khi xây dựng bộ tài liệu giảng dạy chúng tôi chọn bộ chữ Thái Việt Nam, do nhóm người Thái ở 7 tỉnh có người Thái (*Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Hoà Bình, Nghệ An, Thanh Hoá*) đã chọn bộ chữ Thái đen vùng Tây Bắc, đây là bộ chữ tương đối phổ biến làm căn cứ để xây dựng hệ thống chữ viết ghi âm. Bộ chữ này thể hiện tương đối đủ hệ thống ngữ âm của các phương ngữ khác trong tiếng Thái.

Tuy nhiên, bộ tài liệu này dùng để giảng dạy cán bộ CCVC trong tỉnh Sơn La, ngành Thái đen chiếm đa số và sống giải đều ở các huyện, thành phố. Có một số bộ phận Thái trắng thuộc huyện Quỳnh Nhai, Thái trắng Mộc Châu và Thái trắng Phù Yên, do vậy trong tài liệu sẽ có bảng từ đối chiếu phương ngữ.

1.3. Phân bố thời lượng cho các phần của bài học tích hợp

Thời lượng dành cho các phần trong bài học tích hợp nhìn chung phải thể hiện tỷ lệ thời lượng đã nêu trong kế hoạch dạy học. Trong phạm vi thời lượng dành cho mỗi phần, người biên soạn tài liệu được chủ động sắp xếp thời gian để rèn kỹ năng, dạy kiến thức mới hay ôn luyện, củng cố các kiến thức và kỹ năng đã học; giáo viên cũng được linh hoạt trong việc phân bố thời gian rèn từng kỹ năng và dạy từng kiến thức để bài học phù hợp với đối tượng học viên trong từng lớp.

2. Về tài liệu dạy học

2.1. Ngữ liệu dùng để dạy tiếng Thái là các đoạn hội thoại, bản tin, văn bản phổ biến kiến thức khoa học và đời sống, đơn, thư, câu đố, tục ngữ, thành ngữ, câu chuyện lịch sử, truyện dân gian, thơ dân gian, truyện vui nguyên bản tiếng Thái hoặc được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Thái. Các ngữ liệu này có cấu trúc ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, thể hiện những kiến thức về tiếng Thái đã nêu trong phần nội dung.

2.2. Chương trình này là cơ sở để giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy và học cho đối tượng là cán bộ công chức, viên chức, bộ đội, công an đang công tác ở vùng miền núi. Ngôn ngữ dùng trong tài liệu là tiếng Thái và tiếng Việt.

3. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

3.1. Về phương pháp dạy học

Để thực hiện Chương trình tiếng Thái có hiệu quả, người dạy cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của người học, tập trung vận dụng những phương pháp đặc trưng của môn học như thực hành giao tiếp, đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ, thảo luận, đặt và giải quyết vấn đề trong dạy học. Cần phối hợp những phương pháp nói trên một cách linh hoạt trong mỗi bài học để phát huy được hết khả năng lĩnh hội của người học và tạo cho người học niềm hứng thú trong học tập.

3.2. Về hình thức tổ chức dạy học

Để người học làm quen với việc tự học, giờ học sinh động và có hiệu quả, người dạy cần thay đổi hình thức tổ chức dạy học trong một bài dạy: phối hợp ba hình thức tổ chức dạy học (học cá nhân, học theo nhóm nhỏ, học theo lớp). Hình thức học cá nhân được áp dụng trong các trường hợp giáo viên giao những nhiệm vụ phát hiện các đơn vị kiến thức nhỏ, rèn luyện các bộ phận kỹ năng của từng cá thể mà không đòi hỏi sự hợp tác (ví dụ: phát âm đúng các âm, các từ, trả lời các câu hỏi nhỏ trong bài đọc, trình bày hiểu biết và kinh nghiệm của cá nhân về một vấn đề nêu trong bài học, ...). Hình thức học nhóm được áp dụng trong các trường hợp nhiệm vụ giáo viên giao cho học viên đòi hỏi các học viên phải hợp tác với nhau mới thực hiện được (ví dụ: học các bài hội thoại, học qua đóng vai, học qua thảo luận, trao đổi để giải quyết một vấn đề học viên gặp trong công tác...). Hình thức học theo lớp được áp dụng chủ yếu trong các trường hợp học viên nghe giáo viên giải thích, hướng dẫn, làm mẫu... Ngoài ra tùy theo điều kiện dạy học cụ thể, người dạy nên phối hợp tổ chức dạy học trong lớp với tổ chức dạy học tại địa bàn công tác của học viên (trong các đợt tham quan hoặc đi thực tế).

4. Về đánh giá kết quả học tập

4.1. Về phương thức đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện theo các phương thức:

- Đánh giá thường xuyên (trong mỗi giờ lên lớp);
- Đánh giá định kỳ (có 3 bài kiểm tra định kỳ):
 - + Cuối phần 1 có bài kiểm tra điều kiện số 1.
 - + Phần 2 có 2 bài kiểm tra ĐK: Hết 5 chủ đề đầu làm bài ĐK số 2; hết 10 chủ đề thì làm bài ĐK số 3);

- Đánh giá cuối khóa: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4.2. Về nguyên tắc đánh giá

Đánh giá toàn diện kết quả học tập của học viên theo các nội dung đã được nêu trong Chương trình. Kỹ năng nghe và nói cần được đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn các kỹ năng đọc và viết. Việc đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện, khách quan và chính xác.

4.3. Cách kiểm tra, đánh giá

Cách kiểm tra đánh giá cần đa dạng và phù hợp với từng kỹ năng.

Chương trình chủ trương đa dạng hóa công cụ đánh giá. Tùy thuộc vào từng kỹ năng, có thể sử dụng phối hợp các loại công cụ sau đây: đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận; đánh giá bằng vấn đáp, đánh giá bằng bài viết, cụ thể như sau:

- Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ, viết chính tả được đánh giá qua hoạt động thực hành của từng học viên;
- Các kỹ năng đọc hiểu, dùng từ, đặt câu được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở;
- Các kỹ năng nghe và nói được đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi mở, bằng hình thức vấn đáp;
- Các kỹ năng viết đoạn văn, bài văn được đánh giá bằng bài kiểm tra viết (tự luận).

4.4. Cấp chứng chỉ

Thực hiện theo quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5. Về các hình thức đào tạo

5.1. Đào tạo tập trung một đợt tại các lớp học theo thời gian quy định trong Chương trình. Kết thúc khoá học, HV dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

5.2. Đào tạo tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung của Chương trình. Kết thúc khoá học, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

5.3. Đào tạo bán tập trung: Học viên vừa công tác, vừa theo học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng. Kết thúc Chương trình, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

6. Về điều kiện thực hiện chương trình

Để thực hiện Chương trình này có hiệu quả, cần đảm bảo một số điều kiện cơ bản sau:

- a) Có giáo viên dạy bằng cả tiếng Thái và tiếng Việt cho từng lớp;
- b) Có đủ tài liệu học tập cho HV, có phân phối chương trình giảng dạy;
- c) Có phòng học.

Tùy điều kiện, Trung tâm có thể cung cấp trang thiết bị dạy học: Đèn chiếu Projector, thiết bị nghe - nhìn (máy cát sét và băng đĩa ghi âm, ti vi và đầu đĩa, băng đĩa ghi hình) và một số thiết bị dạy học khác. Ngoài ra có thể cung cấp các loại sách bổ trợ (truyện dân gian, thơ dân gian, câu đố, tục ngữ, thành ngữ bằng tiếng Thái); sách công cụ (Từ điển Việt - Thái, Từ điển Thái - Việt, Sổ tay từ ngữ và phương ngữ Thái, Ngữ pháp tiếng Thái ...); Bên cạnh đó, cần có chế độ chính sách khuyến khích đối với học viên và giáo viên giúp học viên, giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương trình này là căn cứ để các cơ sở giáo dục xây dựng phân phối chương trình phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đối tượng người học (Có phân phối chương trình chi tiết kèm theo)

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

I. PHẦN 1 (150 tiết)

NỘI DUNG	S. TIẾT
Ôn lại: Âm (a) và (b) của	
Phần 1 Âm (a)	18
Phần 2 Âm (b)	10
Phần 3 ơ ơ; ư ư; ơ; ơ; ơ	4
Phần 4 ơ; ơ; ơ ư ư ư ư	4
Phần 5 ơ; ơ; ơ ư ư ư ư	4
Phần 6 ơ; ơ; ơ; ư ư ư ư ư	4
Phần 7 ơ; ơ; ơ; ư ư ư ư ư	4
Phần 8 ơ; ơ; ơ; ư ư ư ư ư	4
Phần 9 ơ; ơ; ư ư ư ư ư	4
Phần 10 ơ; ơ; ơ; ư	4
Phần 11 ư (a) ư ư ư	1
Ôn lại: Âm (a)	
Phần 12 ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ	5
Phần 13 ơ; ơ; ơ	5
Phần 14 ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ	6
Phần 15 ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ	5
Phần 16 ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ; ơ	5

	NỘI DUNG	S. TIẾT
phần 17	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷ ; □ ⁸ ; □ ⁹	6
phần 18	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷ ; □ ⁸ ; □ ⁹ ; □ ¹⁰ ; □ ¹¹ ; □ ¹²	7
phần 19	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷	5
phần 20	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷ ; □ ⁸ ; □ ⁹ ; □ ¹⁰	5
phần 21	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷	5
phần 22	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷ ; □ ⁸ ; □ ⁹ ; □ ¹⁰	5
phần 23	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶	5
phần 24	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷	5
phần 25	□ ¹ ; □ ² ; □ ³ ; □ ⁴ ; □ ⁵ ; □ ⁶ ; □ ⁷ ; □ ⁸	5
phần 26	□ ¹ x □ ²	5
phần 27	Số đếm và đại từ chỉ định	4
phần 28	□ ¹ □ ² □ ³ □ ⁴	4
	Kiểm tra phần 1	2

II. PHẦN 2 (150 tiết)

Bài	Tên bài	Số tiết
<p>ဝဲဝဲ ဂ်း: ဂုး တေ - တဲ ဂဲဝဲ</p>		
<p>မာ်ပ 1</p>	<p>ဂုး တေ တဲ တဲဝဲ မဲ မဲ တေ</p>	<p>5</p>
	<p>Chào hỏi khi mới gặp nhau</p>	
<p>မာ်ပ 2</p>	<p>ဂဲဝဲ ပါတဲ ဝဲ တဲ တေ တဲဝဲ ဂုး</p>	<p>2</p>
	<p>Đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn</p>	
<p>မာ်ပ 3</p>	<p>မာ်ပ ဂဲဝဲ, တဲ ဂဲဝဲ တဲ တေ ဂုး</p>	<p>4</p>
	<p>Mối quan hệ anh em, họ hàng của người Thái</p>	
<p>မာ်ပ 4</p>	<p>ဂုး တေ ဂုး တဲ</p>	<p>4</p>
	<p>Gia đình bác Vàng</p>	
<p>မာ်ပ 5</p>	<p>မဲ တဲဝဲ ဂုး တေ</p>	<p>3</p>
	<p>Đồ dùng trong gia đình</p>	
<p>မာ်ပ 6</p>	<p>ဂုး တေ ဂုး ပါတဲ</p>	<p>4</p>
	<p>Gia đình bác Pán</p>	
<p>မာ်ပ 7</p>	<p>မဲ တေ မဲ တဲ တေ တေ တဲ</p>	<p>2</p>
	<p>Hôn nhân và gia đình</p>	
<p>ဝဲဝဲ ဂဲဝဲ: ပါတဲ ဂဲဝဲ တဲ တေ</p>		
<p>မာ်ပ 8</p>	<p>ပါတဲ ဂဲဝဲ တဲ တေ</p>	<p>2</p>
	<p>Bản làng người Thái</p>	
<p>မာ်ပ 9</p>	<p>ဂုး တေ - ဂုး တဲ တဲ</p>	<p>3</p>
	<p>Hỏi đường và hỏi chỗ ở</p>	

Bài	Tên bài	Số tiết
ພາບ 10	ຖ້ອນ ເອກ ຜູ້ ໄທ	4
	Bầu chọn người lãnh đạo	
ພາບ 11	ບ້ານ ປ່ືນ ງົມ	4
	Bản đổi mới	
ບ່ອນ ຂາມ: ພໍ່ ດັນ ປີ ຟູ – ບ່ອນ ພັນ ຜູ້		
ພາບ 12	ຖາມ ມາ ນາ໋ ມຮ, ມີ, ເຖ, ອາປ ພໍ່ ດັນ	2
	Hội thoại về mùa - ngày, giờ - Thời tiết, khí hậu	
ພາບ 13	ຄວາມ ບຸປ ເປນ ຂັ້, ມີ ຂັ້, ເວ້ ຂັ້	4
	Câu đố về các tháng gắn với thời tiết, các tháng có gì	
ພາບ 14	ຖ້ ຫມ້ ພໍ່ ດັນ ປີ ຟູ ພີ ບ່ອນ ພັນ ຜູ້	4
	Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	
ພາບ 15	ໂຕ ພໍ່ - ໂຕ ປີ	4
	Chim muông - thú rừng	
ບ່ອນ ຂໍ້ : ຫນ້ ຫວາ ນາ໋ ເຖ ສີ ຈິນ		
ພາບ 16	ຂາ໋ ອັນ ມ່ຮນ ນາ໋ ເຖ ສີ ຈິນ	4
	Lễ hội tốt đẹp của người Thái	
ພາບ 17	ຂັນ ເຊ ພໍ່ ນາ໋ ນາ໋ ນາ໋ ນາ໋ ຈິນ	3
	Trang phục của người Thái	
ພາບ 18	ຖ້ ຫມ້ ທັ ງຸ໋ ງຸ໋ ງຸ໋ ງຸ໋ ຈິນ	4
	Giữ gìn phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc	

Bài	Tên bài	Số tiết
ບ່ອນ ຫ້າ: ເລບ ວັດ ທາມ		
ພາຍ 19	ວັດ ທາມ ເລບ ມັດ ເຮບ	3
	Việt Nam yêu thương	
ພາຍ 20	ຟັ້ ຕຸ້ ນຸ້ ສີ ປຸ້ ນັ້ ຕັ້ ເຊນ ທຸ	3
	Các dân tộc sinh sống ở tỉnh Sơn La	
ພາຍ 21	ດາດ ດັ້ ທວ້ ທຸ່	2
	Đoàn kết các dân tộc	
	ຫັ້ ນຳ ພາຍ 2	2
	Kiểm tra bài 2	
ບ່ອນ ຫ້າ: ສີ ຈຸນ ນີ້ ເືອນ ດ້າວ ຫຼື ປຸ້ ທາ		
ພາຍ 22	ປຸ້ ທາ ປຸ້ ຫຮອ ທຸ ຈຸ ພີ້ ນັ້ ອອ ຈິ ທ ບັ້	5
	Bác Hồ trong trái tim đồng bào Tây Bắc	
ພາຍ 23	ສີ ດ້າວ ທາ ນີ້ ແວນ ແລ້ ອອ ສີ ຈຸນ	4
	Các đảng viên ưu tú của người thái	
ພາຍ 24	ທາ ດ້າວ ທາ ປຸ້ ທາ	4
	Công ơn Đảng và Bác Hồ	
ບ່ອນ ຕົ້ນ: ຕົ້ນ ຕົ້ນ - ຈັດ ຕຸ້ ອອ		
ພາຍ 25	ຈັດ ມຸ ຫາມ	4
	Làm mùa vụ ba	
ພາຍ 26	ປຸ້ ຫາ ຕົ້	4

Bài	Tên bài	Số tiết
	Trồng cà phê	
ພາບ 27	ທຸ້ງ ກຸ້ວ	4
	Khéo tay	
ພາບ 28	ເປັດ ໂດ້ ນ້ຳ ຊື້ ເປັດ ຫຼັ້ ນຮັ ຫຮັ ເໝ	2
	Tăng gia, sản xuất	
ບ່ອນ ແປ: ລາ ທ້ອນ ແທ້ ແອບ ຫຼັ້		
ພາບ 29	ປານ ຂຸ ອາ ໂຣ	4
	Như con cô giáo	
ພາບ 30	ໂຕ ຊື້ ໂຣ	4
	Chữ Thái	
ພາບ 31	ແວ ຈັດ ນ້ຳ ແທ ຊື້	3
	Tại sao gọi là chữ	
ພາບ 32	ຖາ ຫຼັ້ ວາມ ເປັ ມັ	5
	Đừng nghe lời bói toán	
ບ່ອນ ແປ: ຊື້ ອຸ ຫ້າວ ແທ້		
ພາບ 33	ຮັບ ຕັ້ງ	5
	Phòng bệnh	
ພາບ 34	ຖື ຫຼັ້ ປ່ອນ ຫຼັ້ ປຸ້	3
	Giữ gìn vệ sinh nơi sinh sống	

Bài	Tên bài	Số tiết
pháp 35	អ្នក ទាញ ថ្នាំ ផ្លាស់ ច្រើន ជាប់	5
	Hút thuốc phiện người tốt trở thành kẻ xấu	
វគ្គ ទី៖ ក្រុំ គ្រប់ ប្រទេស - Bảo vệ tổ quốc		
pháp 36	ក្រុំ គ្រប់ ប្រទេស អប់រំ ក្រុំ គ្រប់ ប្រទេស អប់រំ ផ្លាស់ ច្រើន ជាប់	4
	Truyền thông yêu nước và bảo vệ tổ quốc của người việt nam	
pháp 37	ក្រុំ គ្រប់ ប្រទេស	4
	Bảo vệ biên cương	
pháp 38	រៀន ប្រទេស ផ្លាស់ ច្រើន ក្រុំ គ្រប់ ប្រទេស អប់រំ	2
	Gương người tốt bảo vệ an ninh tổ quốc	
	គ្រប់ ប្រទេស 3	2
	Kiểm tra bài 3	
pháp 39	ប្រទេស ទាំង គ្រប់ ប្រទេស (Ôn tập hết khoá)	10
		150